TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2. Ông Đinh Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 259/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh T có đơn xin vắng mặt, chị K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh T trình bày: Anh và chị K chung sống vợ chồng năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 05/9/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mặc dù có tranh cãi nhỏ nhưng không đáng kể, vợ chồng cùng làm việc để chăm lo cuộc sống gia đình và hai con. Nhưng đến đầu năm 2020, vợ chồng có nhiều quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình. Đến tháng 7/2020 âm lịch, vợ chồng đã cãi vả, sau đó chị K bỏ về nhà mẹ ruột tại ấp Mỹ Lợi, xã M, huyện C, Tiền Giang, sinh sống cho đến nay. Anh nhiều lần đến rước về hàn gắn gia đình và cha

mẹ hai bên cũng đã can thiệp hòa giải nhưng không thành, hiện tại mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm cuộc sống của nhau.

Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị K.

Về con chung: Có hai người con chung tên H, sinh ngày 30/5/2017 và L, sinh ngày 14/8/2019. Ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh đồng ý giao cháu L cho chị K nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị K trình bày: Chị với anh T chung sống vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 15/10/2021 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn và chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T vì còn thương chồng, con, muốn hàn gắn tình cảm gia đình.

Về con chung: Có hai người con chung tên H, sinh ngày 30/5/2017 và L, sinh ngày 14/8/2019. Nếu buộc ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu L, đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung của vợ chồng là số tiền hụi của một phần hụi 5.000.000 đồng, anh T đã hốt và sử dụng riêng.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T có đơn xin vắng mặt. Chị K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị K theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T với chị K chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 05/9/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị K là hợp pháp. Anh T xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như trên, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu xin ly hôn với chị K. Chị K không đồng ý ly hôn với anh T vì con thương chồng, con, muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Tuy nhiên, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, nhưng chị K cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị K cũng không dự phiên tòa để trình bày nguyện vọng được hàn gắn quan hệ gia đình.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh T và chị K có hai người con chung tên H, sinh ngày 30/5/2017 và L, sinh ngày 14/8/2019.

Xét yêu cầu nuôi con của anh T, chị K thấy rằng: Tại phiên hòa giải ngày 15/7/2022, anh T và chị K thống nhất giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị K nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu H và Lâm, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị K nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét, anh T, chị K không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi cháu H, cháu L nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị K yêu cầu chia tài sản chung là phần hụi 5.000.000 đồng, nhưng chị K không xác định được dây hụi do ai làm chủ hụi, phần hụi hốt được bao nhiêu tiền nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Nợ chung: Anh T và chị K xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị K.

2. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 30/5/2017 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu L, sinh ngày 14/8/2019 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T và chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001623 ngày

28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh T đã thi hành xong án phí.

4. Anh T, chị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức